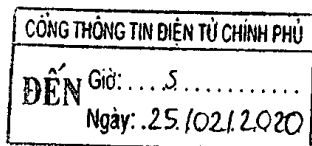


THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 294/QĐ-TTg

Hà Nội, ngày 14 tháng 02 năm 2020

**QUYẾT ĐỊNH****Về việc phê duyệt Nhiệm vụ lập Quy hoạch hệ thống đô thị và nông thôn  
thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050****THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ**

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Quy hoạch ngày 24 tháng 11 năm 2017;

Căn cứ Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quy hoạch;

Xét đề nghị của Bộ Xây dựng tại Tờ trình số 74/TTr-BXD ngày 30 tháng 12 năm 2019 về việc phê duyệt Nhiệm vụ lập Quy hoạch hệ thống đô thị và nông thôn thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050,

**QUYẾT ĐỊNH:****Điều 1.** Phê duyệt Nhiệm vụ lập Quy hoạch hệ thống đô thị và nông thôn thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 với những nội dung chủ yếu sau:

1. Tên quy hoạch, thời kỳ quy hoạch, phạm vi ranh giới quy hoạch:

a) Tên quy hoạch: Quy hoạch hệ thống đô thị và nông thôn thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

b) Thời kỳ quy hoạch: 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

c) Phạm vi, ranh giới quy hoạch: Toàn bộ lãnh thổ, lãnh hải của Việt Nam bao gồm đất liền, các hải đảo, quần đảo, vùng biển thuộc chủ quyền, quyền chủ quyền, quyền tài phán của Việt Nam.

2. Quan điểm, mục tiêu, nguyên tắc lập quy hoạch:

a) Quan điểm lập quy hoạch:

- Cụ thể hóa chủ trương, đường lối chính sách của Đảng, Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội thời kỳ 2021 - 2030, Chiến lược phát triển đô thị Việt Nam thời kỳ 2021 - 2030, Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng

nông thôn mới thời kỳ 2021 - 2030; đáp ứng yêu cầu phát triển của nền kinh tế thị trường, đảm bảo phát triển đô thị trở thành động lực giữ vai trò nòng cốt trong phát triển kinh tế Việt Nam.

- Phát triển đô thị và nông thôn bền vững trên cơ sở sử dụng hợp lý tài nguyên thiên nhiên, tiết kiệm năng lượng, bảo vệ môi trường sinh thái, thích ứng với biến đổi khí hậu và mang bản sắc văn hóa vùng miền, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của đất nước thời kỳ 2021 - 2030.

#### b) Mục tiêu lập quy hoạch:

- Phát triển đô thị và nông thôn gắn kết chặt chẽ với phát triển kinh tế - xã hội; phát huy vai trò của các vùng đô thị lớn, đô thị lớn, trục hành lang kinh tế, vùng kinh tế trọng điểm, hình thành các cực tăng trưởng quốc gia có tính cạnh tranh quốc tế.

- Phát triển bền vững về môi trường ứng phó với biến đổi khí hậu, tiết kiệm tài nguyên, năng lượng; có kết cấu hạ tầng đồng bộ, từng bước hiện đại và phù hợp với điều kiện phát triển từng địa phương.

- Từng bước xây dựng và phát triển nông thôn theo hướng bền vững; liên kết chặt chẽ giữa đô thị với nông thôn.

- Đảm bảo quốc phòng, an ninh.

- Là cơ sở để lập quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh, quy hoạch đô thị và nông thôn và các quy hoạch có tính chất kỹ thuật, chuyên ngành khác.

#### c) Nguyên tắc lập quy hoạch:

- Tuân theo quy định của Luật Quy hoạch, quy định khác của pháp luật có liên quan và Điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.

- Phù hợp với quy hoạch tổng thể quốc gia, quy hoạch không gian biên quốc gia, quy hoạch sử dụng đất quốc gia, chiến lược phát triển bền vững Việt Nam; đồng bộ giữa quy hoạch với chiến lược và kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội.

- Bảo đảm tính liên kết tổng thể trên phạm vi lãnh thổ Việt Nam, từng vùng, tỉnh, đô thị và nông thôn; tính liên tục, kế thừa, ổn định, thống nhất, đồng bộ về phạm vi, thời kỳ quy hoạch, thứ tự ưu tiên và khả năng đáp ứng nguồn lực theo các giai đoạn.

- Bảo đảm tính khoa học, dự báo, khả thi, tiết kiệm và sử dụng hiệu quả nguồn lực của đất nước; phù hợp với nền tảng ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật, công nghệ trong quản lý phát triển đô thị và nông thôn; có tính linh hoạt đáp ứng yêu cầu phát triển trong từng thời kỳ.

- Bảo đảm hài hòa lợi ích của quốc gia, các vùng, các địa phương và lợi ích của người dân; sự tham gia của cơ quan, tổ chức, cộng đồng.

### 3. Yêu cầu về nội dung quy hoạch:

a) Phân tích, đánh giá về các yếu tố, điều kiện tự nhiên, nguồn lực, bối cảnh và thực trạng phân bố, sử dụng không gian của hệ thống đô thị và nông thôn quốc gia:

- Phân tích bối cảnh phát triển quốc tế, trong nước và các cơ hội, thách thức đối với đô thị hoá và phát triển nông thôn; yếu tố về địa kinh tế chính trị của hệ thống đô thị trong khu vực và quốc tế;

- Phân tích đánh giá điều kiện tự nhiên (địa hình, địa mạo, khí tượng, thủy hải văn...), tài nguyên (đất, nước, hệ sinh thái,...) có liên quan đến phát triển đô thị và nông thôn, các nguồn lực cho phát triển đô thị và nông thôn;

- Phân tích đánh giá về đô thị hoá ở Việt Nam: Thực trạng phân bố, sử dụng không gian của hệ thống đô thị (phân bố dân cư, lao động, đất đai, hạ tầng đô thị...); không gian kiến trúc cảnh quan và môi trường đô thị; biến đổi khí hậu; việc thực hiện các Chương trình quốc gia liên quan đến phát triển đô thị;

- Phân tích đánh giá về đặc điểm phân bố, sử dụng không gian của hệ thống dân cư nông thôn: việc thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, Chương trình mục tiêu có liên quan đến phát triển nông thôn;

- Phân tích hiện trạng hệ thống hạ tầng kỹ thuật đô thị và nông thôn.

b) Dự báo xu thế phát triển, kịch bản phát triển và biến đổi khí hậu ảnh hưởng trực tiếp đến phát triển hệ thống đô thị và nông thôn quốc gia trong thời kỳ quy hoạch.

c) Đánh giá về liên kết ngành, liên kết vùng trong phát triển hệ thống đô thị và nông thôn:

- Sự phối hợp, kết hợp giữa các địa phương trong phát triển đô thị, nông thôn trên phạm vi vùng lãnh thổ; sự liên kết giữa phát triển đô thị và nông thôn;

- Đánh giá sự liên kết, đồng bộ giữa hệ thống đô thị và nông thôn với các hệ thống kết cấu hạ tầng khác;

- Phân tích, đánh giá các chính sách về nguồn lực phát triển và sự phối hợp giữa các ngành, lĩnh vực nhằm đảm bảo công bằng lợi ích giữa các bên liên quan trong phát triển đô thị và nông thôn.

d) Yêu cầu của phát triển kinh tế - xã hội đối với hệ thống đô thị và nông thôn quốc gia; những cơ hội và thách thức trong việc phát triển hệ thống đô thị và nông thôn:

- Xác định các yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội đối với hệ thống đô thị và nông thôn quốc gia;

- Phân tích, đánh giá những cơ hội và thách thức trong việc phát triển hệ thống đô thị và nông thôn quốc gia trong thời kỳ quy hoạch;

- Phân tích rủi ro thiên tai và biến đổi khí hậu đối với hệ thống đô thị và nông thôn.

đ) Xác định các quan điểm, mục tiêu phát triển hệ thống đô thị và nông thôn quốc gia trong thời kỳ quy hoạch.

e) Xác định phương án phát triển hệ thống đô thị và nông thôn trên phạm vi cả nước và các vùng lãnh thổ:

- Xác định các chỉ tiêu dự báo, chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật về phát triển đô thị và nông thôn của cả nước, từng vùng lãnh thổ phù hợp với quan điểm, mục tiêu phát triển;

- Đề xuất, lựa chọn khung phát triển đô thị, nông thôn quốc gia, bao gồm mạng lưới đô thị và nông thôn trong từng vùng và trên toàn lãnh thổ quốc gia;

- Đề xuất mô hình phát triển, cấu trúc hệ thống đô thị và nông thôn quốc gia phù hợp với đặc điểm kinh tế, văn hóa, xã hội; xây dựng nguyên tắc, cơ sở xác định giới hạn không gian phát triển đô thị và nông thôn cho từng khu vực lãnh thổ;

- Đề xuất định hướng các vùng phát triển đô thị và phân bố mạng lưới đô thị: Phân cấp, phân loại hệ thống đô thị theo không gian lãnh thổ, vùng và quản lý hành chính; xác định các đô thị có vai trò trung tâm cấp tỉnh, cấp vùng và cấp quốc gia;

- Đề xuất định hướng, nguyên tắc tổ chức, phân bố dân cư nông thôn tại các vùng lãnh thổ: Xây dựng các nguyên tắc tổ chức, phân bố dân cư nông thôn tại các vùng lãnh thổ;

- Xác định các vùng, khu vực lãnh thổ dành cho mục tiêu phát triển đô thị và nông thôn trên cả nước và các vùng, theo từng giai đoạn quy hoạch;

- Xác định các nguyên tắc, yêu cầu bảo vệ cảnh quan thiên nhiên, khai thác và sử dụng tài nguyên đất có hiệu quả; đề xuất các tiêu chuẩn lựa chọn, khai thác quỹ đất cho phát triển đô thị, nông thôn;

- Định hướng phát triển kiến trúc, cảnh quan đô thị và nông thôn;

- Định hướng về chương trình phát triển đô thị quốc gia và từng tỉnh;

- Xác định các giải pháp liên kết phát triển giữa các đô thị, giữa phát triển đô thị và phát triển nông thôn;

- Xác định mạng lưới, vị trí, quy mô các công trình đầu mối hạ tầng kỹ thuật có tính liên vùng, liên tỉnh có vai trò quan trọng đối với phát triển hệ thống đô thị và nông thôn quốc gia, bao gồm: giao thông, cung cấp năng lượng, nguồn nước, khả năng thoát nước và xử lý nước thải, quản lý chất thải rắn, nghĩa trang.

g) Định hướng bố trí sử dụng đất phát triển hệ thống đô thị, nông thôn quốc gia và các hoạt động bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu, bảo tồn sinh thái, cảnh quan, di tích đã xếp hạng quốc gia trong phát triển đô thị và nông thôn.

h) Danh mục dự án quan trọng quốc gia, dự án ưu tiên đầu tư phát triển hệ thống đô thị và nông thôn quốc gia, thứ tự ưu tiên thực hiện:

- Xây dựng tiêu chí xác định dự án ưu tiên đầu tư phát triển hệ thống đô thị và nông thôn quốc gia trong thời kỳ quy hoạch;

- Luận chứng xây dựng danh mục dự án quan trọng quốc gia, dự án quan trọng của ngành về phát triển hệ thống đô thị và nông thôn quốc gia; dự kiến tổng mức đầu tư; đề xuất thứ tự ưu tiên thực hiện và phương án phân kỳ đầu tư.

i) Giải pháp thực hiện quy hoạch:

- Giải pháp về pháp luật, cơ chế, chính sách;

- Giải pháp về huy động và phân bổ vốn đầu tư;

- Giải pháp về môi trường, khoa học và công nghệ;

- Giải pháp về phát triển nguồn nhân lực;

- Giải pháp về tổ chức thực hiện và giám sát thực hiện quy hoạch.

#### 4. Yêu cầu về báo cáo đánh giá môi trường chiến lược:

Báo cáo đánh giá môi trường chiến lược đối với quy hoạch phải thực hiện đánh giá môi trường chiến lược theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường và được lập thành báo cáo riêng.

#### 5. Yêu cầu về phương pháp lập quy hoạch

a) Các phương pháp lập quy hoạch đô thị và nông thôn phải bảo đảm tính khoa học, tính thực tiễn, có độ tin cậy cao.

b) Một số phương pháp chính được sử dụng trong lập quy hoạch hệ thống đô thị và nông thôn gồm: Phương pháp tổng hợp và phân tích hệ thống; phương pháp thống kê; phương pháp chồng lớp bản đồ; phương pháp so sánh; phương pháp chuyên gia; phân tích hệ thống điểm mạnh, điểm yếu, cơ hội và thách thức (phân tích SWOT); phương pháp phân tích mục tiêu - kết quả (GAA); phương pháp Ma trận mục tiêu - kết quả (GAM); phương pháp phân tích lợi ích - chi phí xã hội (SCBA) và các phương pháp phân tích chuyên ngành khác.

#### 6. Yêu cầu về thành phần, số lượng, tiêu chuẩn, quy cách hồ sơ quy hoạch

Thành phần hồ sơ theo Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quy hoạch.

##### a) Thành phần hồ sơ quy hoạch

- Tờ trình phê duyệt và dự thảo Quyết định phê duyệt quy hoạch.
- Báo cáo quy hoạch: Báo cáo thuyết minh tổng hợp; báo cáo tóm tắt.
- Bản đồ, sơ đồ, cơ sở dữ liệu về quy hoạch (theo quy định về xây dựng hệ thống thông tin và cơ sở dữ liệu quốc gia về quy hoạch).
- Báo cáo giải trình, tiếp thu ý kiến góp ý của bộ, ngành, địa phương về quy hoạch và các ý kiến góp ý kèm theo.
- Báo cáo thẩm định của cơ quan thẩm định quy hoạch.
- Báo cáo giải trình, tiếp thu ý kiến thẩm định.
- Bản đồ số và bản đồ in, gồm: Sơ đồ vị trí địa lý và mối quan hệ của hệ thống đô thị và nông thôn với khu vực và quốc tế (tỷ lệ: 1/4.000.000). Các bản đồ hiện trạng hệ thống đô thị và nông thôn, các bản đồ định hướng phát triển hệ thống đô thị và nông thôn, bản đồ bố trí không gian các dự án quan

trọng quốc gia và dự án ưu tiên đầu tư của ngành, các bản đồ hiện trạng và định hướng đánh giá môi trường chiến lược (tỷ lệ 1/250.000). Bản đồ hiện trạng sử dụng đất các khu vực trọng điểm của hệ thống đô thị và nông thôn quốc gia, bản đồ định hướng sử dụng đất các khu vực trọng điểm của hệ thống đô thị và nông thôn quốc gia (tỷ lệ 1/100.000).

b) Số lượng: 10 bộ hồ sơ in và file mềm lưu toàn bộ nội dung quy hoạch.

c) Tiêu chuẩn, quy cách hồ sơ:

- Phần hồ sơ văn bản: Báo cáo thuyết minh tổng hợp; báo cáo tóm tắt; dự thảo văn bản quyết định hoặc phê duyệt quy hoạch; các báo cáo thuyết minh chuyên đề được in màu, thể hiện trên giấy khổ A4.

- Các bản đồ in màu, tỷ lệ bản đồ được thực hiện theo quy định.

- Các sơ đồ và bản vẽ thu nhỏ in màu khổ A3 và theo tỷ lệ thích hợp.

7. Thời hạn lập quy hoạch:

Thời hạn lập Quy hoạch hệ thống đô thị và nông thôn thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 là không quá 24 tháng tính từ ngày nhiệm vụ quy hoạch được phê duyệt (không kể thời gian chờ báo cáo, thẩm định và phê duyệt).

8. Chi phí lập quy hoạch:

a) Chi phí lập Quy hoạch hệ thống đô thị và nông thôn thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 sử dụng nguồn vốn đầu tư công của Bộ Xây dựng được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định.

b) Căn cứ nhiệm vụ lập quy hoạch, Bộ trưởng Bộ Xây dựng tổ chức lập dự toán, thẩm định và quyết định cụ thể chi phí lập quy hoạch theo hướng dẫn của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về định mức cho hoạt động quy hoạch, quy định của pháp luật về đầu tư công và các quy định của pháp luật có liên quan.

## **Điều 2. Tổ chức thực hiện**

1. Bộ Xây dựng có trách nhiệm phê duyệt chi tiết nội dung, dự toán của dự án lập Quy hoạch hệ thống đô thị và nông thôn thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

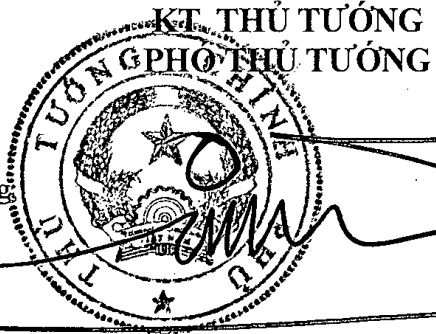
2. Bộ Kế hoạch và Đầu tư bố trí nguồn vốn; phối hợp với cơ quan liên quan hướng dẫn việc lựa chọn tư vấn lập Quy hoạch hệ thống đô thị và nông thôn thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 theo quy định của pháp luật.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Bộ trưởng Bộ Xây dựng, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh và Thủ trưởng các cơ quan liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

**Nơi nhận:**

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia;
- Ngân hàng Chính sách xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Công TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc;
- Lưu: VT, CN (2). Tuần 110



**Trịnh Đình Dũng**